

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-PT  
Ngày: 02-6-2017  
“Về việc ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quán  
Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân  
Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Thái Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*  
Bà Trịnh Thị Kha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án **thụ lý số:** 14/2017/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2017 về “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2017/HNGĐ-ST ngày **24 tháng 3 năm 2017** của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ có kháng cáo của nguyên đơn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2017/QĐ-PT ngày 18 tháng 5 năm 2017, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Quang Th, sinh năm 1987;  
Trú tại: Ấp Bình Đông, xã Bình Trinh Đông, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.
2. Bị đơn: Bà Võ Thanh Tr, sinh năm 1990;  
Trú tại: Số 204 ấp 2, xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn ông Lê Quang Th:

Sau khi quen biết được 01 năm, ông và bà Võ Thanh Tr tổ chức đám cưới vào ngày 25/11/2012 âm lịch, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/07/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Sau khi cưới, ông T và bà Tr về sống bên gia đình ông. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khi có con chung về sau giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xảy ra cự cãi. Vợ chồng ông đã ly thân từ tháng 11/2015. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin ly hôn với bà Võ Thanh Tr.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Võ Quang Th, sinh ngày 06/03/2014 đang sống với bà Tr. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi cháu Th, bà Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Võ Thanh Tr thống nhất với lời trình bày của ông Th về thời gian cưới nhau, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, thời gian ly thân cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Nay ông Th yêu cầu ly hôn, bà cũng đồng ý.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Võ Quang Th, sinh ngày 06/03/2014, đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu Th, yêu cầu ông Th cấp dưỡng mỗi tháng 900.000đ, để thể hiện trách nhiệm làm cha của mình vì từ khi sinh ra hầu như chỉ mình bà nuôi dưỡng cháu Th.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Các bên đương sự không thỏa thuận được.

Ngày 20/01/2017, ông Lê Quang Th nộp đơn khởi kiện ly hôn ra Tòa án.

Ngày 13/02/2017, Toà án nhân dân huyện Tân Trụ thụ lý vụ án.

Toà án đã hoà giải nhưng không thành.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2017/HN-ST ngày 24/3/2017 của Toà án nhân dân huyện Tân Trụ đã áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, 147, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Quang Th và bà Võ Thanh Tr.

Quan hệ con chung: Bà Võ Thanh Tr được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Võ Quang Th, sinh ngày 06/03/2014. Ông Lê Quang Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Thái đủ 18 tuổi. Ông Lê Quang Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Ông Th phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 04606 ngày 13/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, phần còn lại tiếp tục thi hành.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 29/3/2017, ông Thịnh kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm về việc cấp dưỡng, không đồng ý cấp dưỡng 900.000đ/tháng cho con chung.

Tại Toà phúc thẩm,

Nguyên đơn ông Lê Quang Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút kháng cáo nhưng ông Th chấp nhận trợ cấp nuôi con mỗi tháng 900.000đ.

Bị đơn bà Tr yêu cầu cấp dưỡng từ tháng 6/2017.

Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Từ khi thụ lý đến khi xét xử, cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về nội dung kháng cáo: Ông Th kháng cáo không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 900.000đ nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông và bà Tr thống nhất được mức cấp dưỡng và thời gian cấp dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Nguyên đơn kháng cáo hợp lệ, được chấp nhận vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông **Lê Quang Th** thấy:

[2.1] Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn như sau: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Mặt khác, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên cho nên án sơ thẩm buộc ông Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là đúng.

[2.2] Về mức cấp dưỡng: Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Th trình bày gia đình ông canh tác 02 ha đất ở huyện Tân Trụ và 04 ha đất ở huyện Vĩnh Hưng. Như vậy, xét về điều kiện và thu nhập của ông Th việc cấp dưỡng có khả năng.

Xét cháu Lê Võ Quang Thái, sinh ngày 06/03/2014 đến nay đã hơn 3 tuổi, về nhu cầu của trẻ thì số tiền 900.000đ/tháng không phải là nhiều. Án sơ thẩm chấp nhận theo yêu cầu của bà Tr là có xem xét. Ông Th kháng cáo cho rằng do bà Tr tự bỏ đi nên không đồng ý cấp dưỡng là không đúng. Vì nghĩa vụ cấp dưỡng là nghĩa vụ của cha hoặc mẹ khi không trực tiếp nuôi con. Khi có lý do

chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Th và bà Tr đã thỏa thuận được số tiền cấp dưỡng, đồng ý như bản án sơ thẩm

[2.3] Về thời gian cấp dưỡng, án sơ thẩm tuyên từ khi án có hiệu lực pháp luật đồng thời án sơ thẩm không tuyên áp dụng lãi suất trường hợp người có nghĩa vụ chậm thi hành án là thiếu sót không đảm bảo quyền lợi của người được cấp dưỡng. Tại cấp phúc thẩm, bà Tr yêu cầu cấp dưỡng từ tháng 6/2017, ông Th cũng đồng ý. Cho nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm về phần này và tuyên bổ sung nghĩa vụ chậm thi hành án. Chấp nhận kháng cáo của ông Th như phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Kháng cáo được chấp nhận theo Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 26/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án ông Th không phải chịu. Hoàn trả cho ông Th 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Những nội dung khác của quyết định bản án sơ thẩm giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 300, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 29 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Tuyên xử:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

1. Về hôn nhân: Ông **Lê Quang Th** và bà Võ Thanh Tr được ly hôn.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Bà Võ Thanh Tr được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Võ Quang Thái, sinh ngày 06/03/2014.

2.2. Ông Lê Quang Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 900.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để

cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu, không giải quyết.

3. Về án phí:

3.1. Ông Lê Quang Th phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 04606 ngày 13/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Phải nộp tiếp 300.000đ.

3.2. Ông Lê Quang Th không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, Hoàn trả 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 04681 ngày 05/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành.

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Thị Hồng Vân – Phùng Thị Cẩm Hồng**

**Trần Văn Quán**

***Nơi nhận:***

- TAND.CC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Trụ;
- (02 bản để chuyển THA 01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Quán**